TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08/08/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị T và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh
2. Ông Nguyễn Xuân Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. N đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1982; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, N đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Văn Q năm 2001. Trước khi kết hôn, chị và anh Q có được tự nguyện tìm hiểu, không ai ép buộc. Chị và anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lục Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị đã ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 03/2008 thì nảy sinh mâu thuẫn. N nhân do anh Q thường xuyên la cà uống bia rượu say, rồi về đánh đập và chửi bới chị. Chị có đến nói chuyện với bố mẹ chồng chị nhưng bố mẹ chồng không can thiệp. Bố mẹ đẻ chị cũng có biết chuyện và động viên khuyên bảo chị cố gắng sống để các con có đủ cả bố mẹ, nhưng chồng chị vẫn không thay đổi, cứ đi uống rượu về là hành hạ, đánh chửi chị. Do không thể chịu đựng được nữa nên tháng 03/2024, chị và con gái chị đã sang nhà em

gái ruột anh Q là chị Đặng Thị Thúy ở nhờ. Từ đó chị và anh Q sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Đặng Văn Q sinh được 02 con chung là Đặng Bình N, sinh năm 2002 và Đặng Thúy H, sinh ngày 24/01/2012. Cháu Đặng Bình N đã trưởng thành, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Đặng Thúy H. Cấp dưỡng nuôi con, chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Đặng Văn Q trình bày: Anh kết hôn với chị Trương Thị T năm 2002. Anh chị kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lục Nam. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 03/2021, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng anh vẫn liên lạc với nhau bình thường, sau đó một thời gian không hiểu lý do vì sao chị T không liên lạc với anh nữa. Tháng 04/2024, chị T về nước hẳn không đi nữa. Chị T về chỉ ở với anh một ngày rồi về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó anh và chị T sống ly thân. Tuy nhiên, chị T đề nghị ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trương Thị T sinh được 02 con chung là Đặng Bình N, sinh năm 2002 và Đặng Thúy H, sinh ngày 24/01/2012. Các Đặng Bình N đã trưởng thành, phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T và anh ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Đặng Thúy H. Cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. N đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Trương Thị T ly hôn với anh Đặng Văn Q. Về con chung: Giao cho chị Trương T nuôi cháu Đặng Thúy H; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, N đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có

lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

Chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn Q. Đây là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" quy định tại Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình. Bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T kết hôn với anh Đặng Văn Q trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là thị trấn Y), huyện Lục Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. N nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị Trương Thị T và anh Đặng Văn Q sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cúng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Ngoài biên bản lấy lời khai, anh Q không ký, nhưng có đọc lại và ghi chữ "TÔI ĐÃ ĐỌC", anh Q không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, không đến trụ sở Tòa án làm việc, tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa anh Q đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn Q là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn Q.

[3]. Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Đặng Văn Q sinh được 02 con chung là Đặng Bình N, sinh năm 2002 và Đặng Thúy H, sinh ngày 24/01/2012. Con Đặng Bình N đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét. Cháu Đặng Thúy H chưa đủ 18 tuổi, chị Trương Thị T và anh Đặng Văn Q đều có nguyện vọng được nuôi. Xét chị T và anh Q đều đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008181 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/04/2024.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị T ly hôn với anh Đặng Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị T nuôi con là Đặng Thúy H, sinh ngày 24/01/2012. Anh Đặng Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008181 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/04/2024.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân